| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TIỂU CẦN**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 10- 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**
2. Bà **Trần Thị Đẹp**

***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 376/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09/9/2019, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1972, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: 282/35 Ngô Gia T, phường 4, quận 10, Thành phố D.

*2. Bị đơn:* Chị **Phan Thị H**, sinh năm 1973, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Khóm 3, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đức C trình bày:**

Vào năm 2010, anh có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Phan Thị H và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, quận 10, Thành phố D. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012, hiện đang sống chung với chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Nguyên nhân mâu thuẫn:* Do tính tình vợ chồng anh không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng gạn nứt, phai nhạt. Từ năm 2013 anh C và chị H đã sống ly thân cho đến nay.

Nay anh Nguyễn Đức C yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị H. Về con chung: Anh C đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012, anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Anh Nguyễn Đức C yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

**Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị H trình bày:**

Chị Phan Thị H thống nhất với anh Nguyễn Đức C về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung như anh C trình bày.

*Nguyên nhân mâu thuẫn:* Do tính tình của chị và anh C không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, mạnh ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Từ tháng 7/2019 chị và anh C đã sống ly thân cho đến nay. Chị Phan Thị H đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012, anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi thì chị H cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Chị Phan Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

**Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:**

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C và chị Phan Thị H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức C đồng ý cho chị Phan Thị H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012, anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức C và chị Phan Thị H thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:** Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng*:*** Anh Nguyễn Đức C và chị Phan Thị H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị H.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Đức C và chị Phan Thị H kết hôn với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, quận 10, Thành phố D theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng anh chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc anh C xin ly hôn. Trong quá trình

giải quyết vụ án, anh C xác định giữa anh và chị H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, không còn khả năng hàn gắn, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau, ai muốn sống ra sao thì sống. Bị đơn chị Phan Thị H cũng đồng ý ly hôn với anh C nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Đức C với chị Phan Thị H.

**[3] Về con chung:** Ghi nhận nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức C đồng ý cho chị Phan Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 là phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn sống chung với chị H. Anh Nguyễn Đức C đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Nguyễn Đức C và chị Phan Thị H thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[5] Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức C và chị Phan Thị H.

**2.** Về con chung: Ghi nhận nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức C đồng ý cho chị Phan Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 là phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn sống chung với chị H. Anh Nguyễn Đức C đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 30/10/2019.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức C và chị Phan Thị H thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải chịu **600.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm *(Trong đó án phí hôn nhân 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng 300.000 đồng)* nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004616, ngày 09/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Nguyễn Đức C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng. Chị Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức C và chị Phan Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND phường 4, quận 10, Thành phố D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Tú Trinh**